

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày 04/10/2021

V/v: Tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Nguyễn Quang Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/10/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLPT- DS ngày 09/12/2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06 ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐ - PT ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Phú B, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu 6, thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.(Nay là: Khu Tân Hòa, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Chí C, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm An Phú (trước đây là xóm Đóng), xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Dũng T, luật sư Văn phong luật sư Trần Dũng Tiến, thuộc đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm Tân Phú, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị U, sinh năm 1970; chị Dương Thùy Linh, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ với ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1991 ông Bùi Phú B và bà Lê Thị Liên kết hôn và sinh sống trên thửa số 29, tờ bản đồ số 19 tại Phố Lồ (nay là xóm Tân Phú), xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Năm 2001 đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 19, có diện tích là 2.800m², trong đó 400m² là đất ở, 2.400m² đất vườn.

Năm 2005 vợ chồng ông ly hôn, ông và bà Liên thỏa thuận về tài sản, ông lấy 05m đất mặt đường giáp đất nhà ông H, bà U, số còn lại ông để cho bà Liên. Trên đất ông đã xây 01 móng nhà rộng 05m. Do không ở nên đã bán cho nhà ông H, bà U. Khi bán không viết cụ thể ranh giới đất, hai bên thỏa thuận mua bán 05m đất mặt đường phía trước thửa đất xác định bằng móng nhà, còn phía sau thửa đất lấy mép nhà kéo song song với nhà H U, theo hình thể thửa đất sao cho chiều rộng thửa đất phần đầu và phần cuối là 5m. Ngày 01/8/2019 diện tích đất trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 2.701,9m², trong đó có 400m² đất ở và 2.301,9m² đất trồng cây, giấy chứng nhận quyền sử dụng số CS57308, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02492/QSĐĐ. Sau khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lê Chí C là anh trai bà Liên có xây dựng sân bóng trên diện tích đất này. Khi xây dựng cột điện bê tông thì hộ ông H, bà U là hộ giáp ranh ngăn cản, cho rằng cột bê tông xây dựng trên phần đất nhà ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không thành. Ông Bùi Phú B khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn H trả lại phần đất khoảng 392m².

Bị đơn trình bày: Đất gia đình ông có nguồn gốc năm 1996 ông nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Bân là 25m chiều rộng mặt đường Quốc lộ 6 đến hết chiều dài của đất, đến năm 2008 ông Bân có bán thêm 5m đất mặt đường, tổng cộng là 30m mặt đường. Năm 2006 ông mua của hộ ông Bùi Phú B 5m chiều rộng mặt đường Quốc lộ 6 và chiều dài hết đất, trên diện tích đất này có một móng nhà xây sẵn chiều rộng là 5m, kéo thẳng ra hết phần đất kèm theo mảnh vườn phía sau. Ông H đã xây dựng căn nhà hai tầng trên phần móng nhà mua của ông B. Năm 2007 ông mua tiếp mảnh đất có chiều rộng 2m của gia đình ông Sáu phía sau cách mặt đường vào là 60m, đất này tiếp giáp đất nhà ông Bùi Phú B. Năm 2007 ông có kẻ móng xây tường bao bằng đá chia ranh giới giữa nhà ông với nhà ông B. Tổng diện tích đất có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 6 là 35m, cạnh chiều dài giáp nhà ông Tùng là 67,03m, phía sau giáp nhà ông Sáu có chiều dài là 37m, cạnh dài giáp nhà ông B là 60,36m. Tổng diện tích là 2.304m², diện tích này chưa tính một lối ra đằng sau và một mảnh vườn. Năm 2009 Nhà nước thực hiện đo đạc chính quy, gia đình ông cũng đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011, diện tích đất được cấp là 2.058,5m². Khi ông C xây dựng sân bóng và dựng cột điện bê tông thì cột thứ nhất từ mặt đường Quốc lộ 6 vào là cột nằm trên đất nhà ông B, cột thứ hai thì móng cột nằm trên ½

diện tích đất của ông và $\frac{1}{2}$ móng cột trên đất ông B, vị trí cột thứ ba thì nằm toàn bộ trên đất nhà ông. Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông trả lại đất ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị U trình bày: Mốc ranh giới giữa gia đình bà và gia đình ông B là nằm ở kè tường bằng bê tông chạy dọc từ bờ tường ngôi nhà xây 2 tầng của gia đình bà đến điểm cuối của thửa đất. Khi xây bờ kè bà có bảo cô Liên ra chỉ mốc giới đất, do thời gian đã lâu nên bờ kè bị sụt mất đoạn giữa, nay đoạn cuối thửa đất vẫn còn bờ kè xây từ năm 2007 sau khi nhận chuyển nhượng của nhà ông B. Bà U đồng quan điểm với ý kiến của ông H; Chị Dương Thùy Linh cũng đồng quan điểm với bố, mẹ là ông H, bà U.

Người làm chứng bà Lê Thị Liên trình bày: Năm 2005 bà và ông B ly hôn, có thỏa thuận về tài sản, ông B lấy 05m đất mặt đường giáp nhà ông H, bà U, số còn lại ông để cho bà Liên. Khi ông B bán đất cho nhà ông H, bà không biết, cũng không có việc chỉ mốc giới xây bờ kè cho nhà ông H, bà U.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, thửa đất tranh chấp hộ ông B có vị trí thuộc xóm Tân Phú, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Tới cận: phía Bắc giáp phần đất của hộ ông Dương Văn H có chiều dài là 60,36m, phía Nam giáp Quốc lộ 6 có chiều rộng là 34,33m, phía Đông giáp hộ Nguyễn Thanh Thủy có chiều dài là 81,89m và phía Tây giáp hộ ông Dương Văn H có chiều dài là 26,69m. Có tổng diện tích là 2.701,9m². Diện tích thửa đất trích đo 173. Tổng diện tích trích đo 302,2m². Đo theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°. Diện tích tranh chấp là 261.2m²

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất cấp cho hộ ông Dương Văn H: Thửa đất tiếp giáp hộ ông B có chiều dài là 60,36m, chiều rộng mặt đường Quốc lộ 6 có chiều rộng là 33,84m, chiều dài tiếp giáp nhà ông Tùng là 67,03m, chiều rộng mặt sau tiếp giáp hộ ông Sáu là 31,15m. Tổng diện tích là 2.058,5m² gồm 400m² đất ở và 1.658,5m² đất vườn.

Tại bản án số 06/2020/DS – ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã quyết định: Căn cứ Điều 164, 166, 170; khoản 4 Điều 275; Điều 579 và khoản 1 Điều 580 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Điều 19, khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 157, 165, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26; điểm b, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Phú B đối với ông Dương Văn H; ông Dương Văn H có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Phú B diện tích đất đã chiếm dụng tại thửa đất số 29, thuộc tờ bản đồ số 19 tại xóm Tân Phú, xã Phong

Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CS57308, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02492/QSDĐ, cấp ngày 01/8/2019. Tứ cận: Phía Bắc và phía Tây giáp phần đất của hộ ông Dương Văn H có chiều dài là 60,36m + 26,69m, phía Nam giáp đất nhà ông B có chiều dài là 81,89m với diện tích là 261,2m².

Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ một phần góc nhà 2 tầng để đảm bảo kết cấu căn nhà. Buộc bị đơn trả lại diện tích đất còn lại tính từ góc tường nhà theo bản trích đo có tọa độ các điểm mốc giới đặc trưng: 1- tọa độ x: 2282900.36, y: 418208.63; 2- tọa độ x: 228288.30, y: 418182.23; 3- tọa độ x: 2282842.58, y: 418134.58; 4- tọa độ x: 2282902.12, y: 418207.57; 5- tọa độ x: 2282885.53, y: 418182.29; 6- tọa độ x: 2282885.25, y: 418178.41; 7- tọa độ x: 2282842.16; y: 418133.23 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°). Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/11/2020 ông Dương Văn H, bà Đinh Thị U kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Ngày 19/01/2021 bà Đinh Thị U có đơn đề nghị TAND tỉnh Hòa Bình tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, đo đạc lại diện tích đất hai hộ.

Tại B bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 của TAND tỉnh Hòa Bình: Trên diện tích đất hộ ông Dương Văn H có 01 ngôi nhà sàn, 01 bể nước, 01 ngôi nhà 02 tầng chiều rộng 4.91m, dài 11.75m (móng nhà mua của ông B) và công trình phụ; Đối với hộ ông B: Trên đất có 06 cột bê tông, không có cây cối, tài sản gì khác. Trên diện tích đất đang tranh chấp có 03 cột bê tông, từ đường vào đến cuối nhà 02 tầng có tường rào cao khoảng 1.5m, sau bờ tường chỉ có kè đá đến cuối đất. Khoảng 2/3 thửa đất tính từ mặt đường vào đã đổ đất ngang bằng mặt đường, phía cuối thửa đất có vũng sâu khoảng 2m so với mặt đường

Tại bản trích đo ngày 26/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình thể hiện: Hộ ông Dương Văn H: Thửa đất số 26, tờ bản đồ 19; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2058.5m²; Hiện trạng 2970.9 m² (Bản đồ địa chính: 2058.5m²).

Hộ ông Bùi Phú B: Thửa 29, TĐĐ: 19: GCNQSDĐ 2701.9 m²; BĐĐC: 2701.9 m²; Hiện trạng 3304.8 m².

Tổng diện tích đất tranh chấp là 301.3 m². Trong đó diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ hộ ông B là 277.2m². Phần đầu thửa đất phía hộ ông B giáp với hộ ông H, theo bản đồ địa chính thì có một phần tài sản của ông H nằm trong GCNQSDĐ của hộ ông B, cụ thể: 13,1m² trong ngôi nhà 02 tầng (móng nhà ông B đã bán cho ông H) và 11,9m² bể nước.

Luật sư Trần Dũng Tiến trình bày: Đất của ông Bùi Phú B có nguồn gốc là do bố vợ để lại, đã được cấp bìa, khi ông C xây sân bóng thì tranh chấp. Việc ông

B bán cho ông H, bà U 5m đất mặt đường chạy vào trong, khi bán không có hợp đồng công chứng, không chỉ thực địa. Tại sổ địa chính đã ghi ông B có bán cho ông H 500m². Bà U khai đất trên đã nhập vào sổ đỏ của nhà bà. Các cơ quan chức năng khi cấp bìa cho ông B đều xác nhận là đất không có tranh chấp. Đây là tranh chấp về ranh giới, việc bà U thế chấp đất để vay tiền không liên quan trong vụ án này, không cần phải đưa ngân hàng vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông B cũng đã đồng ý không yêu cầu bà U phải phá nhà và bể nước. Phần đất mà bà U chưa sử dụng để nghị trả lại cho ông B.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, thẩm phán chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng ông Vân nguyên cán bộ địa chính xã thì các bên có chuyển nhượng cho nhau 5m mặt đường, trên đất có sẵn móng nhà. Tại trang 16 sổ địa chính của UBND xã Phong Phú ghi diện tích đất của hộ ông B chuyển nhượng cho ông Dương Văn H 550m². Tại B bản thẩm tra hồ sơ đất đai ngày 11/7/2019 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc tiến hành thẩm tra hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ hộ ông Bùi Phú B ghi “ ranh giới của các hộ liền kề tại thời điểm cấp giấy và hiện nay là hàng rào cây xanh, được các hộ liền kề xác nhận là không có tranh chấp và cũng không thực hiện chuyển nhượng hay tặng cho phần diện tích mà mình đang sử dụng cho nhau”. B bản trên mâu thuẫn với sổ địa chính. Cấp sơ thẩm chưa xem xét lời khai của các đương sự, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 261,2m² là chưa có căn cứ. Hiện GCNQSDĐ hộ ông Dương Văn H đang thế chấp ở ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tân Lạc, cấp sơ thẩm không đưa ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm Điều 73 BLTTDS. Tại B bản hòa giải ngày 21/8/2020 bị đơn và người liên quan đều đề nghị cơ quan chức năng xem xét lại việc cấp GCNQSDĐ cho ông Bùi Phú B ngày 01/9/2019 của Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình do không đúng với thực tế. Nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự thực hiện phản tố là chưa đảm bảo quy định tại điều 210, 211 BLTTDS 2015. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 thì đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch, bản án tuyên đương sự phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng quy định. Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung. Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

1. Về tố tụng

Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất tại xã Phong Phú huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

Ngày 23/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử sơ thẩm; Ngày 03/11/2020 bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

2. Nội dung:

Ông Bùi Phú B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Dương Văn H, bà Đinh Thị U trả lại phần đất đã chiếm dụng theo đơn khởi kiện khoảng 392m². Căn cứ vào bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên được cấp; nguồn gốc đất; kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ; cấp sơ thẩm xác định hộ ông H, bà U sử dụng đất lấn sang hộ gia đình ông B; tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích đất là 261,2m².

Bà U kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi cho hộ ông B không đúng thực tế, đề nghị đo đạc lại diện tích đất của hai hộ.

Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 thì diện tích đất tranh chấp là 301.3m², trong đó diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ hộ ông B là 277.2m², nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông H, bà U là 5.3m², còn lại thuộc hành lang giao thông và đất của các hộ khác.

Đất của hai hộ đang tranh chấp đều thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp (Hộ ông H giấy chứng nhận QSDĐ là 2058.5m²; thực tế sử dụng là 2970.9 m²; Hộ ông B giấy chứng nhận QSDĐ là 2701.9m²; thực tế sử dụng là 3304.8 m²). Các bên không thống nhất được ranh giới đất giữa hai hộ.

Nguyên đơn cho rằng đất của gia đình ông được quyền sử dụng theo đúng như bản đồ địa chính cơ quan quản lý đất đai đang lưu giữ, trùng ranh giới được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rU phần yêu cầu bị đơn trả diện tích đất trong ngôi nhà 2 tầng và phần đất có bể nước của bị đơn. Chỉ đề nghị buộc bị đơn trả phần diện tích đất tính từ mép bể nước kéo về phần cuối của thửa đất. Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xét phần đất đang tranh chấp từ mép bể nước của hộ ông H kéo về phần cuối thửa đất.

Ranh giới đất của hai hộ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trùng khớp với bản đồ địa chính chính quy.

Thực tế sử dụng thì phần cuối thửa đất từ mép bể nước của hộ ông H kéo về cuối thửa đất hộ gia đình ông H đã sử dụng lấn sang đất hộ ông B. Phần cuối đất gia đình ông H còn xây kè tường bằng đá.

Ông H cho rằng đất đó ông đã mua của ông B, khi xây kè vợ ông B là bà Liên trực tiếp chỉ mốc cho gia đình ông. Xét, khi chuyển nhượng đất cho nhau, các bên không tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai, không lập hợp đồng chuyển nhượng, không ghi rõ diện tích và tứ cận. Ông B khẳng định ông chuyển nhượng đất cho gia đình ông H 05 mét mặt đường kéo về phía sau. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H được cấp thì chiều dài phía cuối thửa đất là 26,15m. Cộng thêm 5m nhận chuyển nhượng từ ông B. Tổng chiều dài phía sau đất hộ ông H là 31,15m. Phù hợp với bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông B.

Diện tích tính từ mép bề nước kéo về phía mặt đường quốc lộ 6 ông B không yêu cầu trả là $39,1m^2$. Như vậy, diện tích đất hộ ông H phải trả cho hộ ông B là $277,2m^2 - 39,1m^2 = 238,1m^2$. Cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là đúng pháp luật; sửa bản án sơ thẩm về diện tích đất bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình tại phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ là không đủ căn cứ chấp nhận; Giấy chứng nhận QSD đất của hộ ông H đang thế chấp ở ngân hàng, nhưng việc giải quyết vụ án cũng không liên quan đến diện tích đất nên việc ông H thế chấp đất không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó không cần thiết phải đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng. Việc tính án phí không chính xác. Cấp phúc thẩm tính lại theo quy định của pháp luật.

Những vấn đề khác theo đề nghị của người liên quan là bà U không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người liên quan về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Về áp dụng pháp luật: Hộ ông B chuyển nhượng đất cho hộ ông H, bà U năm 2006. Khi giải quyết vụ án cần áp dụng luật đất đai năm 2003, bộ luật dân sự năm 2005. Cấp sơ thẩm áp dụng luật đất đai năm 2013, bộ luật dân sự năm 2015 là chưa chính xác.

Về án phí: Đây là tranh chấp là về ranh giới quyền sử dụng đất, thuộc trường hợp phải chịu án phí không có giá ngạch. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không chính xác. Cần sửa bản án về phần án phí. Ông Dương Văn H, bà Đinh Thị U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị U phải chịu tiền chi phí tố tụng: Tiền đo đạc: 6.200.000đ, chi phí khác: 3.600.000đ, xác nhận đã nhận đủ.

Từ các căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 BLTTDS;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Dương Văn H, bà Đinh Thị U về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, cụ thể:

Căn cứ các Điều 164, 168, 170, 265, 266, 281, 599 của Bộ luật dân sự 2005. Điều 46, 48 Luật Đất đai năm 2003; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Phú B đối với ông Dương Văn H.

2. Buộc hộ ông Dương Văn H, bà Đinh Thị U phải trả cho hộ ông Bùi Phú B diện tích đất là 238,1 m² (Có sơ đồ kèm theo và làm một bộ phận không thể tách rời bản án này – Theo bản đồ đặc chính lý bản đồ địa chính số 01-2021, hệ tọa độ VN 2000, xóm Tân Phú, tờ số 19 ngày 26/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình – phương án 2).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị U phải chịu tiền chi phí tố tụng. Xác nhận bà U đã nộp đủ.

4. Về án phí: Ông Dương Văn H, bà Đinh Thị U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ 300.000đ tiền dự phí kháng cáo đã nộp theo B lai thu tiền số 0005018 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Bà Đinh Thị U được trả lại 300.000đ tiền dự phí kháng cáo đã nộp theo B lai số 0005017 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Ông Bùi Phú B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền 500.000đ đã nộp theo B lai thu số 0001612 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hoà Bình
- TAND huyện Tân Lạc
- THA huyện Tân Lạc
- Các Đương Sự
- Lưu

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Thị Hồng Hoa